TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 24 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thế Anh.

Ông Vũ Văn Thi.

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 163/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết Đ1 đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Khắc Đ, sinh ngày 07/7/1979 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1950, con bà Trịnh Thị B, sinh năm 1951, có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1981, có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 03/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Thị H, sinh ngày 03/02/1981 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh N (đã chết), con bà Phạm Thị C, sinh năm 1949, có chồng là Lê Khắc Đ, sinh năm 1979, có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Nguyễn Việt T, sinh ngày 04/01/1963 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình

độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh L, con bà Đoàn Thị K (đều đã chết), có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, có 02 con, lớn sinh năm 1988, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 68 ngày 05/9/2008, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Việt T 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Hoàng Thị Bích T1, sinh ngày 04/8/1974 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 5, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C, con bà Trần Thị C (đều đã chết), có chồng là Nguyễn Văn L, sinh năm 1964, chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 10/7/1978 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1958, con bà Vũ Thị Đ, sinh năm 1957, có vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1979, có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023; có mặt.

6. Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 11/3/1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố D, phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang D (đã chết), con bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961, có chồng là Nguyễn Thanh N, sinh năm 1980, có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 40 phút ngày 02/8/2023, Công an huyện An Dương kết hợp cùng Công an xã Nam Sơn phát hiện bắt quả tang Nguyễn Việt T, Nguyễn Thị Thùy D, Hoàng Thị Bích T1 và Nguyễn Văn Đ1 đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền tại phòng ngủ tầng 2 nhà vợ chồng Lê Văn Đ, Trần Thị H ở thôn Q, xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Thu trên chiếu bạc 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ gồm 52 lá bài) và tổng số tiền 9.870.000 đồng; trong đó thu trên chiếu bạc 150.000 đồng, thu tại vị trí của T1 2.880.000 đồng, tại vị trí

của T 4.960.000 đồng, tại vị trí của D 1.880.000 đồng. Trong lúc bắt giữ Lê Văn Đ và Nguyễn Văn Đ1 bỏ chạy thoát. Có mặt tại nơi đánh bạc còn có bà Bùi Thị C, sinh năm 1972; nơi cư trú: Xóm 2, thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và đưa các đối tượng về trụ sở Công an giải quyết.

Cùng ngày 02/8/2023, Trần Thị H bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương bắt giữ. Ngày 03/8/2023 và ngày 11/8/2023 Đ và Đ1 đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương đầu thú, Đ1 đã giao nộp 30.000 đồng sử dụng để đánh bạc cầm theo khi bỏ chạy.

Tại cơ quan điều tra, Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 khai: Sáng ngày 02/8/2023, Đ gọi điện thoại rủ D đến nhà Đ chơi, sau đó lần lượt T, T1 và Đ1 đến nhà Đ ngồi uống nước. Đến khoảng 8 giờ cùng ngày thì D đến sau đó cả nhóm cùng rủ nhau lên phòng ngủ trên tầng 2 nhà Đ để đánh bạc. Tại đây vợ chồng Đ đã trải sẵn chiếu và chuẩn bị 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ có 52 lá bài) có hai màu khác nhau. T, D, Đ1 và T1 thống nhất cùng nhau đánh bạc dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền, cách thức đánh bạc như sau: Dụng cụ đánh bạc là 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ có 52 lá bài) có sẵn, mỗi ván bài được chia ra làm 04 phần cho 04 người chơi, người đánh bài đầu tiên được chia 09 lá bài, 03 người còn lại mỗi người 08 lá, phần bài còn lại là nọc để bốc. Mỗi phỏm ít nhất phải có 03 lá bài trùng số nhau hoặc cùng chất cùng màu và liền số thứ tự. Kết thúc ván bài nếu người chơi không còn lá bài lẻ gọi là ù, ai không có phỏm gọi là cháy. Nếu không có người ù thì số lá bài lẻ của mỗi người sẽ được cộng lại tính tổng, ai ít điểm hơn là người thắng. Nếu có người ù thì những người còn lại, mỗi người phải trả cho người ù 200.000 đồng, nếu ù đồng hoa, tứ quý hoặc ù thông phải trả gấp đôi là 400.000 đồng và người ù phải bỏ ra từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng tiền hồ cho vợ chồng Đ, H. Nếu không có người ù thì người về thứ 2 phải trả 20.000 đồng, về thứ 3 phải trả 40.000 đồng, người về bét phải trả 60.000 đồng; người nào cháy (bài không có phỏm) thì phải trả 100.000 đồng cho người về nhất. Quá trình đánh bạc D nhờ Đ đánh bạc giúp để đi ăn sáng, Đ1 nhờ Đ đánh bạc giúp để nghe điện thoại. T đã ù 02 ván, trong đó có 01 ván ù thông nên đã bỏ ra 150.000 đồng tiền hồ cho vợ chồng Đ, H. Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 10 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Trong lúc bắt giữ, Đ1 cầm theo số tiền 30.000 đồng tiền đánh bạc cùng Đ bỏ chạy thoát. D có 300.000 đồng vay của H 1.500.000 đồng, tổng cộng là 1.800.000 đồng để đánh bạc, thắng 80.000 đồng. T dùng 3.500.000 đồng, thắng 1.460.000 đồng; Đ1 dùng 1.100.000 đồng, thua 1.070.000 đồng; T1 dùng 3.500.000 đồng, thua 620.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.900.000 đồng. Vợ chồng Đ, H sử dụng nơi ở của mình cho các bị cáo khác đánh bạc mục đích thu tiền hồ. Ngày 02/8/2023 vợ chồng Đ chưa thu tiền hồ thì bị bắt, bài tú lơ khơ do H mua từ trước đó.

Bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Văn C khai: Sáng ngày 02/8/2023, bà Chừng và ông Chính đến nhà vợ chồng Đ thì thấy T, Đ1, T1 và D đang đánh phỏm ăn tiền tại phòng ngủ tầng 2 nhà vợ chồng Đ. Bà Chừng và ông Chính ngồi xem một lúc thì Cơ quan công an vào kiểm tra bắt giữ những người đang đánh bạc, trong lúc bắt giữ Đ và Đ1 đã bỏ chạy thoát.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 26/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại cơ quan điều tra và nội D Cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Văn Đ1 và Nguyễn Thị Thùy D đồng phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Khắc Đ mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị H mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T mức án từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích T1 và Nguyễn Thị Thùy D mỗi bị cáo mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo T1 và D số ngày đã bị tạm giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 06 bị cáo. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T1, D và Đ1 và không buộc các bị cáo này phải lao động công ích.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.900.000 đồng; tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài tú lơ khơ mỗi bộ gồm 52 lá bài.

Về án phí: Các bị cáo Đ, H, Đ1, T1 và D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật Đ1, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T.

NHẬN Đ1 CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ1 như sau:

[1] Về hành vi, quyết Đ1 tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy Đ1 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết Đ1 tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết Đ1 tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở xác Đ1: Sáng ngày 02/8/2023, Lê Khắc Đ và Trần Thị H đã chuẩn bị bài tú lơ khơ, cho mượn tiền, cầm hộ bài và sử dụng nơi ở của mình ở thôn Q, xã N, huyện An Dương để cho Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh phỏm được thua bằng tiền mục đích để thu tiền hồ với tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 9.900.000 đồng, nên đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 đồng phạm tội Đánh bạc, quy Đ1 tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và còn là nguyên nhân gây ra các tội phạm khác.

[3] Về vị trí, vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội có đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn với lỗi cố ý trực tiếp. Trong đó bị cáo Đ và H là người giữ vai trò tổ chức với mục đích vụ lợi. Các bị cáo còn lại đều là người thực hiện, trong đó bị cáo T và T1 có số tiền dùng để đánh bạc nhiều nhất, tiếp đến là bị cáo D, thấp nhất là Đ1.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo T, nhân thân đã một lần bị kết án tại bản án số 68 ngày 05/9/2008, Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xử phạt Nguyễn Việt T 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích đã được xóa

án tích. Các bị cáo còn lại nhân thân đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa cả 06 bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; bị cáo Đ1 có ông nội, ông ngoại được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, cụ ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Đ và Đ1 sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú. Do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy Đ1 tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả 06 bị cáo; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy Đ1 tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, H, T1, D và Đ1; áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy Đ1 tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, T và Đ1.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ vào nhân thân, vị trí, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử các bị cáo Đ, H và T mức án ngang bằng nhau và cao hơn các bị cáo còn lại.

Xét, tệ nạn cờ bạc hiện nay là khá phổ biến trong xã hội, nhất là ở các vùng nông thôn mỗi khi rảnh rỗi. Các bị cáo chỉ nhất thời phạm tội với mức độ và quy mô nhỏ, nên gây ảnh hưởng không lớn đến trật tự, an ninh xã hội. Các bị cáo đều đã nhận thức được sai phạm và có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Riêng bị cáo T mặc dù nhân thân đã bị kết án nhưng đã được xoá nên được coi là chưa có án tích. Do vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục riêng đối với từng bị cáo và phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, H và T và áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T1, D và Đ1 để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội là phù hợp với chính sách hình sự, quy Đ1 tại Điều 3 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo T1 và D đã bị tạm giữ 09 ngày (từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023) chuyển đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ, khi quyết Đ1 hình phạt sẽ trừ cho bị cáo T1 và D số ngày này.

[5] Về hình phạt bổ sung, khấu trừ thu nhập:

Xét thấy cả 06 bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn Đ1, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 06 bị cáo, đồng thời miễn khấu trừ thu nhập và không buộc các bị cáo T1, D và Đ1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 lá bài. Xét đây là công cụ các bị cáo dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với số tiền 9.900.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Đối với bà Bùi Thị C và ông Nguyễn Văn C có mặt tại nhà vợ chồng bị cáo Đ nhưng không tham gia đánh bạc, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương không xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đ, H, T1, D và Đ1 đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật Đ1. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T do bị cáo là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ1:

Tuyên bố các bị cáo: Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 đồng phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Khắc Đ 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị H 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T 15 (Mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58, 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Bích T1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày trước đó (tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết Đ1 thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo 27 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 09 ngày trước đó (tạm giữ từ ngày 02/8/2023 đến ngày 10/8/2023). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 14 (Mười bốn) tháng 03 (Ba) ngày. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết Đ1 thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 58, 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ

tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết Đ1 thi hành án.

Miễn khấu trừ thu nhập và không buộc các bị cáo T1, D và Đ1 phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H và Nguyễn Việt T cho UBND xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

T hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo, theo quy Đ1 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy Đ1 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết Đ1 buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. T hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy Đ1 tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Giao bị cáo Hoàng Thị Bích T1 cho UBND xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy D cho UBND phường Q, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ1 cho UBND xã N, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng để giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Nguyễn Việt T, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H và Nguyễn Việt T trong thời gian thử thách. Tạm hoãn xuất cảnh đối với các bị cáo Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 trong thời gian cải tạo không giam giữ, theo quy Đ1 của Luật Thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 lá bài.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 9.900.000 đồng (Chín triệu, chín trăm nghìn đồng), theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 22/01/2024.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2024 giữa Công an huyện An Dương và Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lê Khắc Đ, Trần Thị H, Hoàng Thị Bích T1, Nguyễn Thị Thùy D và Nguyễn Văn Đ1 mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Việt T.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ1 tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ1 tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- TAND Tp Hải Phòng;
- Công an huyện An Dương;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chỉnh